

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72 /2017/HSPT

Ngày: 22-9-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tình

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2017/HSPT ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Võ Thị Mai L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Thị Mai L (M)**

Sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; ĐKTT: Số xxx, Khu phố x, thị trấn M, huyện N, tỉnh Bến Tre; *chỗ ở hiện nay:* Khu phố x, thị trấn M, huyện N, tỉnh Bến Tre; *số chứng minh nhân dân:* xxxxxxxxxx; *nghe nghiệp:* Không ổn định; *trình độ văn hóa:* 04/12; *dân tộc:* Kinh; Con ông Võ Văn C và bà Phạm Thị P; có chồng: Trần Quốc V, sinh năm 1984 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; *tiền sự:* Không; *tiền án:* Không; *bị cáo tại ngoại.* (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Quốc V nhưng không có kháng cáo và cũng không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 08-01-2017 qua nguồn tin báo của quần chúng nhân dân, Công an huyện N phát hiện bắt quả tang đối tượng Trần Quốc V (C) và Võ Thị Mai L (M) đang thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Anh T, sinh năm 19xx và Trần Thanh B, sinh năm 19xx tại nhà thuê trọ (không số) thuộc Khu

phố x, thị trấn M, huyện N, tỉnh Bến Tre. Vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: Thu giữ trên người Phạm Anh T 01 gói nylon có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu M1); trên người của Trần Thanh B 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.0000 đồng; thu giữ trên người của Võ Thị Mai L 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và L tự nguyện giao nộp số tiền 1.380.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở trọ của Trần Quốc V và Võ Thị Mai L phát hiện tạm giữ: Thu tại hành lang phía trước cửa chính 30 gói nylon chứa chất dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu A1) và 01 hộp giấy sọc đen, vàng, đỏ dùng đựng ma túy (ký hiệu A2); thu tại phòng khách 02 gói nylon chứa chất dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu A3, A4); thu tại phòng ngủ 01 gói nylon chứa chất dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu A5), 01 túi nhựa màu đen bên trong có 13 bì bao tập bằng nylon màu trắng, 01 dụng cụ bằng thủy tinh để hút ma túy, 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng, 01 cân điện tử, 02 bình gas, 01 đầu khò lửa, 01 bật lửa, tiền Việt Nam 15.000.000 đồng.

Kết quả điều tra Trần Quốc V và Võ Thị Mai L khai nhận và đủ căn cứ xác định: Do cần tiền để trả nợ, nên trong khoảng thời gian cuối năm 2015 đến tháng 01/2017 Trần Quốc V cùng vợ là Võ Thị Mai L nhiều lần mua ma túy của các đối tượng như Đ, T1, T2, T3 (không rõ lai lịch) về cùng phân lẻ ra thành nhiều gói nhỏ (gói nylon hàn kín 04 cạnh) bán cho các đối tượng nghiện có giá bán từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng/01 gói ma túy tại nhà số xxx và nhà thuê trọ (không số) thuộc Khu phố x, thị trấn M, huyện N. Ma túy mà V và L bán là loại ma túy tổng hợp (loại ma túy đá). Ngoài lần bị bắt quả tang ở trên thì trước đó V và L bán ma túy cho nhiều người, trong đó:

Trần Quốc V trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng nghiện như: Trước ngày bị bắt khoảng 02 tháng bán cho Phạm Anh T hai lần mỗi lần 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 400.000 đồng; khoảng tháng 12/2016, bán cho Lê Thanh C (C V N) 05 lần, mỗi lần một gói ma túy mỗi gói giá 200.000 đồng, thu lợi 1.000.000 đồng; khoảng tháng 11/2016 bán cho Nguyễn Thành T4 (T4 R) bốn lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 800.000 đồng; khoảng tháng 01/2017, bán cho Nguyễn Huy B1 (R X) 06 lần, mỗi lần một gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 1.200.000 đồng; khoảng tháng 8/2016 bán cho Đặng Quang A bốn lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 800.000 đồng; khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 8/2016, bán cho Nguyễn Hoàng T5 (T6) năm lần, mỗi lần một gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 1.000.000 đồng; khoảng tháng 12/2016, bán cho Mai Văn Tuấn A1 (T 6 Đ) hai lần, mỗi lần một gói ma túy giá 200.000 đồng và bán cho Nguyễn Hữu L1 (T C) hai lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 800.000 đồng; khoảng 23 giờ ngày 07-01-2017 bán cho Đặng Quốc A1 (Q) một lần 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 200.000 đồng. Ngoài ra V còn bán cho nhiều người khác nhưng không xác định được lai lịch cụ thể.

Võ Thị Mai L trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng nghiện như: Ngày 03-01-2017 bán cho Lê Thanh C (C V N) 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 200.000 đồng; ngày 05-01-2017 bán cho Lê Thanh C (C V N) 01 gói ma túy giá 200.000 đồng và bán cho Phạm Anh T 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 400.000 đồng; ngày 05-01-2017 và trước đó bán cho Nguyễn Huy B1 (R X) 04 lần, mỗi lần một gói ma túy giá 200.000 đồng, thu lợi 800.000 đồng; ngày 06-01-2017 bán cho Phạm Anh T 01 gói ma túy giá 400.000 đồng, thu lợi 400.000 đồng. Ngoài ra còn bán cho nhiều người khác nhưng không rõ lai lịch.

Khoảng 01 giờ ngày 08-01-2017 Trần Quốc V mua ma túy của một người đàn ông tên M (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy có trọng lượng 8,8 gam với giá 6.688.000 đồng, sau đó V và L phân lẻ thành nhiều gói nhỏ đựng trong túi nylon hàn kín 04 cạnh để bán lại cho các con nghiện với giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng một gói. Lúc 10 giờ ngày 08-01-2017 tại nhà thuê trọ của mình Trần Quốc V bán cho Phạm Anh T 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng; lúc 14 giờ 30 phút ngày 08-01-2017 V và L bán 01 gói ma túy cho Phạm Anh T và Trần Thanh B với giá 400.000 đồng (V, L đã nhận đủ tiền, T và B đã nhận ma túy) thì bị lực lượng Công an huyện N phát hiện bắt quả tang cùng tang vật và tạm giữ toàn bộ số ma túy còn lại đựng trong 33 gói nylon mà V và L tàng trữ nhằm mục đích để mua bán.

Tại bản kết luận giám định số 369/C54B ngày 09-01-2017 của Phân viện Khoa học hình sự (Bộ công an) tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Gói ký hiệu M1: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định có trọng lượng là 0,1911 gam, có Methamphetamine. Gói ký hiệu A1: Tinh thể màu trắng đựng trong 30 gói nylon hàn kín (27 gói nhỏ và 03 gói lớn) được niêm phong gửi đi giám định có tổng trọng lượng là 5,7887 gam, có Methamphetamine. Gói ký hiệu A3: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định có trọng lượng 0,1034 gam, có Methamphetamine. Gói ký hiệu A4: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định có trọng lượng 0,0833 gam, có Methamphetamine. Gói ký hiệu A5: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định có trọng lượng 0,0811 gam, có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ. Tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có trọng lượng gói 369/M1: 0,0974 gam; gói 369/A1: 5,3501 gam được niêm phong. Riêng các gói 369/A3, 369/A4, 369/A5 đã sử dụng hết cho công tác giám định.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2015 đến ngày bị bắt quả tang (08-01-2017) Trần Quốc V và Võ Thị Mai L đã nhiều lần mua ma túy (chất Methamphetamine) về phân ra thành nhiều gói nhỏ bán nhiều lần cho các đối tượng như Phạm Anh T, Lê Thanh C (C V N), Nguyễn Thành T4 (T4 R), Nguyễn Huy B1 (R X), Đặng Quang A, Nguyễn Hoàng T5 (E), Mai Văn Tuấn A1 (T 6 Đ), Nguyễn Hữu

L1 (T C), Đặng Quốc A1 (Q) thu lợi bất chính với tổng số tiền 8.800.000 đồng. Tổng trọng lượng ma túy (chất Methamphetamine) mà Trần Quốc V và Võ Thị Mai L đã bán bị bắt quả tang và tàng trữ nhằm mục đích mua bán bị tạm giữ là 6,2476 gam.

Quá trình điều tra Trần Quốc V và Võ Thị Mai L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai các nhân chứng, vật chứng đã thu giữ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Mai L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, l khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Mai L 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh và hình phạt tù đối với Trần Quốc V, phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24-7-2017 bị cáo Võ Thị Mai L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Mai L cho rằng không có bán ma túy cho ai nhưng cho rằng tại cơ quan điều tra không bị ai ép cung, hướng dẫn cung để khai và cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có khai bị cáo bán ma túy cho 03 người mỗi lần bán 200.000 đồng một tép, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thật thà khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm l khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Mai L 06 (sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo tự bào chữa cho rằng bị cáo ăn năn, hối cải, có 02 con còn nhỏ vì thương chồng nên thừa nhận có mua bán ma túy, yêu cầu xem xét cho bị cáo, với mức hình phạt 06 năm tù là quá cáo đối với bị cáo, bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ai nuôi con của bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo cho rằng bị cáo có 02 con còn nhỏ yêu cầu giảm hình phạt tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Qua lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm xét thấy phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Bị cáo Võ Thị Mai L đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện để thu lợi bất chính. Cụ thể vào ngày 03-01-2017 bán cho Lê Thanh C 01 gói ma túy giá 200.000 đồng; ngày 05-01-2017 bán cho Lê Thanh C 01 gói ma túy giá 200.000 đồng và bán cho Phạm Anh T 01 gói ma túy giá 200.000 đồng; ngày 05-01-2017 và trước đó bán cho Nguyễn Huy B1 (R X) 04 lần, mỗi lần một gói ma túy giá 200.000 đồng; ngày 06-01-2017 bán cho Phạm Anh T 01 gói ma túy giá 400.000 đồng.

[2] Với ý thức, hành vi và số lần mà bị cáo mua bán chất ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Thị Mai L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và bị cáo V tự nguyện giao nộp số tiền có được từ việc bán nhà để đảm bảo thi hành án; bị cáo phạm tội khi đang mang thai; bị cáo đang là người trực tiếp nuôi hai con còn nhỏ trong đó có 01 con dưới 12 tháng tuổi nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận việc mua bán chất ma túy là không thành khẩn khai báo, nhưng không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Với mức hình phạt 06 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định theo Điều 47 Bộ luật hình sự xét thấy phù hợp, cùng như đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 19-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Mai L** 06 (Sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Võ Thị Mai L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác, phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện N (1b);
- Công an huyện N (1b);
- TAND huyện N (3b);
- Chi cục THADS huyện N (1b);
- UBND thị trấn M – huyện N (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh